

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2322 /UBND-KSTT

Tây Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

V/v thực hiện báo cáo trên  
Hệ thống thông tin báo cáo của  
Văn phòng Chính phủ



Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 4521/VPCP-KSTT ngày 20/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc đơn đốc thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ (*tài liệu gửi kèm theo phần mềm eGov*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nội dung sau:

- Hoàn thành các báo cáo 6 tháng đầu năm và quý II năm 2022 trên Hệ thống trước ngày 31/7/2022 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, báo cáo Văn phòng Chính phủ (*Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính quý II/2022 đã gửi Văn phòng Chính phủ; Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quý II/2022 đã được cập nhật trên Hệ thống*).

- Gửi bổ sung các báo cáo còn thiếu theo các kỳ từ quý I năm 2021 đến quý I năm 2022 trên Hệ thống để hình thành cơ sở dữ liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thành trước ngày 31/8/2022.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn 06 báo cáo theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP trên Hệ thống kể từ kỳ báo cáo quý III năm 2022.

(*Đính kèm phụ lục các báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ*)

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ với Văn phòng UBND tỉnh<sup>1</sup> để được hỗ trợ kịp thời.

<sup>1</sup> Đăng nhập Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ bằng tài khoản dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn>; Thông tin liên hệ: Phòng Kiểm soát TTHC, SĐT 0276.3813.363; Đơn vị triển khai HTBC 0918.342.737.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc chỉ đạo này./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các phòng, ban, TT thuộc VP;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. (V Tây)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng

**PHỤ LỤC**  
**CÁC BÁO CÁO THEO THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-VPCP NGÀY 21/10/2020 CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

STT	Tên chế độ báo cáo	Kỳ báo cáo	Cấp thực hiện	Mẫu BC (Thông tư số 01)
1	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.	6 tháng và năm	UBND cấp tỉnh	Phụ lục I
2	Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	Quý I, II, III và năm	Tất cả các sở ban ngành và UBND cấp huyện, cấp xã	Phụ lục II
3	Báo cáo về tổ chức các cuộc họp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	Hàng năm	UBND cấp tỉnh, huyện, xã	Phụ lục III
4	Báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và các quy định liên quan.	Quý I, II, III và năm	Tất cả các sở ban ngành và UBND cấp huyện, cấp xã	Phụ lục IV
5	Báo cáo kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.	6 tháng và năm	UBND cấp tỉnh	Phụ lục V
6	Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công báo theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Hàng năm	UBND cấp tỉnh	Phụ lục VI



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4521/VPCP-KSTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

V/v đơn đốc thực hiện báo cáo  
trên Hệ thống thông tin  
báo cáo của VPCP

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Từ quý I năm 2021, Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ (*Hệ thống*) đã được triển khai đối với 06 chế độ báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP<sup>1</sup> của Văn phòng Chính phủ. Để tạo thuận lợi cho người dùng, Văn phòng Chính phủ đã tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan, địa phương, phát triển, hoàn thiện các tính năng của Hệ thống, đã hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện các báo cáo trên giao diện mới<sup>2</sup> kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2022.

Đối với 04 báo cáo các bộ, cơ quan, địa phương phải thực hiện trong quý II năm 2022<sup>3</sup>, đã có 08 tỉnh, thành phố hoàn thành 100% báo cáo, gồm: Hải Phòng, Bắc Kạn, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bắc Giang và Trà Vinh (*trong đó Hải Phòng, Bắc Kạn, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa đã áp dụng chữ ký số đối với báo cáo gửi trên Hệ thống*).

Đến nay, mặc dù thời hạn gửi báo cáo về Văn phòng Chính phủ đã hết<sup>4</sup> nhưng tỷ lệ bộ, cơ quan, địa phương hoàn thành các báo cáo, cũng như áp dụng chữ ký số trên Hệ thống chưa cao. Tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2022, mới có 18/24 bộ, cơ quan, 60/63 địa phương gửi các báo cáo, trong đó mới có 01/24 bộ, cơ quan và 32/63 địa phương áp dụng chữ ký số trên Hệ thống.

(*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

<sup>1</sup> Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

<sup>2</sup> Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ tại địa chỉ <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn>.

<sup>3</sup> Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo và triển khai Hệ thống thông tin báo cáo; Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng.

<sup>4</sup> Thời hạn gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP là ngày 22/6/2022. Riêng Báo cáo kiểm

Để bảo đảm thực hiện nghiêm Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Hoàn thành các báo cáo 6 tháng đầu năm và quý II năm 2022 trên Hệ thống trước ngày 31 tháng 7 năm 2022 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

- Gửi bổ sung các báo cáo còn thiếu theo các kỳ từ quý I năm 2021 đến quý I năm 2022 trên Hệ thống để hình thành cơ sở dữ liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 năm 2022.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn 06 báo cáo theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP trên Hệ thống kể từ kỳ báo cáo quý III năm 2022<sup>5</sup>.

Trong quá trình thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương liên hệ với Văn phòng Chính phủ<sup>6</sup> để được hỗ trợ kịp thời.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VPCP: BTCN (để b/c),  
Vụ TH, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2), NMC.

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
CỤC TRƯỞNG CỤC KIỂM SOÁT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**



**Ngô Hải Phan**

<sup>5</sup> Bao gồm: 01 báo cáo quý (Báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng); 01 báo cáo quý I, II, III và năm (Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử); 02 báo cáo 6 tháng và năm (Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo và triển khai Hệ thống thông tin báo cáo); 02 báo cáo năm (Báo cáo thực hiện quy định của pháp luật về công tác Báo cáo kết quả công tác hành chính)



**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN BÁO CÁO TRÊN HỆ THỐNG**  
**THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

*Số liệu tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2022*  
*(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2022*  
*của Văn phòng Chính phủ)*

STT	Tên bộ cơ quan, địa phương	Đã gửi báo cáo trên Hệ thống				Đã áp dụng chữ ký số trên Hệ thống
		BC kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của CP, TTgCP	BC công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế MC, MCLT và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	BC kết quả gửi, nhận VBĐT và xử lý HSCV trên môi trường mạng	BC kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa CĐBC và triển khai HTTTBC	
<i>I</i>	<i>Các bộ, cơ quan</i>	<i>03/24</i>	<i>16/24</i>	<i>02/24</i>	<i>02/24</i>	<i>01/24</i>
1	Bộ Công an					
2	Bộ Công Thương	X	X			
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo		X			
4	Bộ Giao thông vận tải		X			
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X			
6	Bộ Khoa học và Công nghệ		X			
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		X			
8	Bộ Ngoại giao			X		
9	Bộ Nội vụ	X	X		X	X
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X			
11	Bộ Quốc phòng					
12	Bộ Tài chính		X			
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường					
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	X				
15	Bộ Tư pháp		X			
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
17	Bộ Xây dựng		X			
18	Bộ Y tế		X			
19	Thanh tra Chính phủ					
20	Ủy ban Dân tộc		X			
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		X	X	X	
22	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam					
23	Ngân hàng Chính sách xã hội		X			
24	Ngân hàng phát triển Việt		X			

<i>II</i>	<i>Các địa phương</i>	<i>14/63</i>	<i>60/63</i>	<i>23/63</i>	<i>14/63</i>	<i>32/63</i>
1	Cần Thơ		X			X
2	Đà Nẵng	X	X	X	X	
3	Hà Nội		X			
4	Hải Phòng	X	X	X	X	X
5	TP. Hồ Chí Minh		X			
6	An Giang		X			
7	Bà Rịa - Vũng Tàu		X			
8	Bạc Liêu		X			
9	Bắc Giang	X	X	X	X	
10	Bắc Kạn	X	X	X	X	X
11	Bắc Ninh	X	X	X		X
12	Bến Tre		X	X		X
13	Bình Dương					
14	Bình Định		X	X	X	X
15	Bình Phước		X			
16	Bình Thuận		X	X	X	
17	Cà Mau	X	X			X
18	Cao Bằng		X			X
19	Đắk Lắk	X	X	X		
20	Đắk Nông					
21	Điện Biên		X			X
22	Đồng Nai		X			
23	Đồng Tháp		X			X
24	Gia Lai		X		X	X
25	Hà Giang		X	X		X
26	Hà Nam		X			X
27	Hà Tĩnh		X			
28	Hải Dương		X			X
29	Hậu Giang		X	X		X
30	Hòa Bình		X	X	X	
31	Hưng Yên		X			X
32	Khánh Hòa		X			X
33	Kiên Giang			X		
34	Kon Tum	X	X	X		X
35	Lai Châu		X			X
36	Lạng Sơn		X			
37	Lào Cai		X			X
38	Lâm Đồng		X			X
39	Long An		X	X		
40	Nam Định		X			
41	Nghệ An		X			

43	Ninh Thuận		X			X
44	Phú Thọ		X	X		X
45	Phú Yên		X			
46	Quảng Bình	X	X	X		
47	Quảng Nam		X			
48	Quảng Ngãi		X			X
49	Quảng Ninh	X	X	X	X	X
50	Quảng Trị	X	X		X	X
51	Sóc Trăng		X			
52	Son La		X			
53	Tây Ninh		X			X
54	Thái Bình		X			
55	Thái Nguyên		X			X
56	Thanh Hoá	X	X	X	X	X
57	Thừa Thiên Huế		X		X	X
58	Tiền Giang		X			
59	Trà Vinh	X	X	X	X	
60	Tuyên Quang		X <sup>1</sup>			
61	Vĩnh Long		X			X
62	Vĩnh Phúc		X	X		X
63	Yên Bái		X	X		